

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra của Ban Pháp chế trình kỳ họp thứ 11**  
**Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, ngày 23 tháng 11 năm 2022 Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tiến hành họp thẩm tra đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và 07 hồ sơ dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả thẩm tra với nội dung cụ thể như sau:

**I. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TRÌNH KỲ HỌP**

**1. Các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>1</sup> (Lĩnh vực pháp chế)**

**1.1. Công tác Nội vụ**

Công tác nội vụ được chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả: Công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện kịp thời, đúng quy định; tăng cường triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm về văn hóa công vụ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan hành chính Nhà nước; việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được chú trọng; công tác thi đua, khen thưởng và thực hiện chế độ chính sách được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt.

Tuy nhiên, nội dung báo cáo số 2960/BC-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh chưa có đánh giá về công tác cải cách hành chính, một lĩnh vực lớn trong công tác nội vụ; cũng như chưa phản ánh toàn diện các mặt công tác khác như kết quả công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; công tác tinh giản biên chế; việc thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp

---

<sup>1</sup> (1) Báo cáo số 2960/BC-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 (lĩnh vực pháp chế); (2) Báo cáo số 2987/BC-UBND ngày 15/11/2022 về tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; (3) Báo cáo số 2946/BC-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; (4) Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

huyện, cấp xã dôi dư sau sáp nhập đến hết năm 2022; công tác quản lý đối với các tổ chức Hội đặc thù trên địa bàn tỉnh...

Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện một số nội dung:

- Bổ sung đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh năm qua, trong đó làm rõ nguyên nhân chỉ số cải cách hành chính (Par-index); chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) cấp tỉnh đạt thấp<sup>2</sup>; đồng thời đề ra các giải pháp cụ thể, tích cực nhằm thực hiện có hiệu quả công tác này, nhất là khắc phục tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn<sup>3</sup>;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục tập trung rà soát, mở rộng dịch vụ, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đồng thời có giải pháp tăng tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến<sup>4</sup>;

- Đánh giá thêm về kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về giao biên chế công chức, viên chức năm 2022<sup>5</sup>. Tiếp tục quan tâm công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát và giải quyết các kiến nghị sau giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh<sup>6</sup>;

- Tăng cường chỉ đạo các sở, ngành, địa phương siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ nhằm hạn chế tình trạng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật phải xử lý kỷ luật<sup>7</sup>;

- Bổ sung những giải pháp cụ thể để giải quyết các tồn tại, hạn chế trong năm 2022 như tình trạng thiếu giáo viên, y bác sĩ; việc bố trí cán bộ, công chức dôi dư sau sáp nhập... vào phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

<sup>2</sup> Năm 2021: Chỉ số cải cách hành chính (Par-index) của tỉnh Cao Bằng đạt 82,89 điểm, xếp hạng 57/63 (tăng 1,82 điểm nhưng giảm 01 bậc so với năm 2020); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp hạng 63/63 (tăng 0,41 điểm nhưng giảm 02 bậc so với năm 2020); Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) xếp hạng 61/63, giảm tới 42 bậc so với năm 2020.

<sup>3</sup> Trong năm 2022, tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn còn xảy ra ở các cấp: Cấp tỉnh 177 hồ sơ; cấp huyện 60 hồ sơ và cấp xã là 706 hồ sơ.

<sup>4</sup> Theo Báo cáo số 2723/BC-SNV ngày 18/11/2022 của Sở Nội vụ: “Dịch vụ công do UBND tỉnh chủ động triển khai là 1.756 dịch vụ. Trong đó mức độ 3 là 225 dịch vụ, mức độ 4 là 1.285 dịch vụ. Tỷ lệ DVCTT đạt 85,69%; tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ đạt 65,69%; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến đạt 21,29%”.

<sup>5</sup> (1) Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về giao biên chế công chức trong các cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2022; (2) Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022.

<sup>6</sup> Tại Báo cáo số 167/BC-HĐND ngày 25/5/2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

<sup>7</sup> Theo Báo cáo số 2946/BC-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, phương hướng nhiệm vụ 2023 cho thấy: Đến hết 30/10/2022, có 46 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật phải xử lý kỷ luật; 05 cán bộ, chiến sĩ Công an vi phạm về phẩm chất, đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, đơn vị.

## ***1.2. Công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng***

Công tác thanh tra, kiểm tra cơ bản đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định; việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra xử lý sau thanh tra được đẩy mạnh và đạt được những kết quả nhất định<sup>8</sup>. Công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả<sup>9</sup>; việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tham nhũng được thực hiện đúng quy định<sup>10</sup>, qua đó từng bước góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực tại địa phương.

Tuy nhiên, qua theo dõi, giám sát cho thấy công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng, chống tham nhũng vẫn còn một số hạn chế:

- Nội dung công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các sở, ngành rất rộng, tuy nhiên đa số các đơn vị chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra được toàn diện trên tất cả các lĩnh vực thuộc ngành, đơn vị phụ trách theo quy định của pháp luật; thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra một số vụ việc còn kéo dài so với quy định; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác thanh tra, kiểm tra còn hạn chế<sup>11</sup>;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy đã được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân; một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thật sự coi trọng công tác phòng, chống tham nhũng trong nội bộ, cũng như trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách;

- Việc phát hiện tham nhũng qua hoạt động kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị còn là khâu yếu; còn có cơ quan, đơn vị chưa chú trọng triển khai đồng bộ các giải pháp về đấu tranh, phòng ngừa tham nhũng theo quy định;

Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với nội dung phương hướng, nhiệm vụ mà UBND tỉnh đã đề ra trong năm 2023. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và hạn chế thấp nhất những hành vi tham nhũng có thể xảy ra; giải quyết có hiệu quả các kiến nghị sau giám sát của Ban Pháp chế

---

<sup>8</sup> Trong kỳ đã triển khai thực hiện 146 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành (*theo kế hoạch 135 cuộc; đột xuất 11 cuộc*). Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm về kinh tế 18.012,75 triệu đồng; kiến nghị thu hồi với tổng số tiền 6.544,8 triệu đồng; đã thu hồi được 5.606,73 triệu đồng, đạt tỷ lệ 86% số kiến nghị thu hồi. Ban hành 23 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với 10 tổ chức, 13 cá nhân với tổng số tiền xử phạt là 1.010 triệu đồng.

<sup>9</sup> UBND tỉnh tiếp tục tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng. Tổ chức kiểm tra 93 cơ quan, đơn vị về thực hiện các quy định về công khai, minh bạch. Xây dựng kế hoạch và tiến hành chuyên đổi được 445 vị trí công tác đối với CBCCVC nhằm phòng ngừa tham nhũng. Tiếp nhận và xử lý 505/625 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thông qua Hệ thống kết nối Người dân và Chính quyền tỉnh, đạt tỷ lệ 80,8%.

<sup>10</sup> Tiến hành điều tra 03 vụ/09 bị can từ kỳ trước chuyển sang; tiến hành khởi tố, điều tra mới 09 vụ/21 bị can và tiến hành khởi tố, điều tra 03 vụ mới phát sinh; kết luận điều tra chuyển Viện Kiểm sát truy tố 08 vụ/24 bị can và tiếp tục điều tra 04 vụ/06 bị can. Tòa án nhân dân hai cấp đã thụ lý, giải quyết 10 vụ/24 bị cáo (*trong đó: xét xử 09 vụ/22 bị cáo; trả hồ sơ để điều tra bổ sung 01 vụ/02 bị cáo*).

<sup>11</sup> Báo cáo số 345/BC-HĐND ngày 14/9/2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về kết quả giám sát công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng tỉnh đối với hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn, giai đoạn 2017 - 2021.

HĐND tỉnh liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng tỉnh đối với hoạt động của doanh nghiệp tại Báo cáo số 345/BC-HĐND ngày 14/9/2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh. Đồng thời, đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý dứt điểm đối với các vụ án về tham nhũng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

### ***1.3. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo***

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị quan tâm, chú trọng; tăng cường trách nhiệm trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giải thích, hướng dẫn cho người dân; có nhiều giải pháp và nỗ lực để giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Kết quả: Năm 2022, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 2.238 lượt/2.276 người (*tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2021*); tiếp nhận 2.424 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (*giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2021*), trong đó các cơ quan chức năng đã xem xét giải quyết 52/61 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền (*đạt 85,2%*), 18/20 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền (*đạt 90%*).

Bên cạnh kết quả đạt được, Ban Pháp chế thấy rằng hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân còn thấp; việc thực hiện trách nhiệm tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện có lúc, có nơi chưa đúng, đủ theo quy định của pháp luật; quá trình giải quyết đơn thư ở cấp cơ sở còn chậm, kết quả giải quyết chưa thấu đáo dẫn đến tình trạng người dân khiếu nại nhiều lần hoặc chuyển thành tố cáo; công tác phối hợp giữa các sở, ngành và giữa sở, ngành với UBND các huyện, thành phố trong giải quyết một số vụ việc chưa tốt, còn hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, gây bức xúc cho công dân.

Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương;
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; chỉ đạo giải quyết đúng hạn, dứt điểm các vụ việc, đơn thư thuộc thẩm quyền theo quy định, nhất là một số vụ việc còn tồn đọng, kéo dài<sup>12</sup>;
- Chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát và thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau giám sát của Đoàn đại biểu Quốc

---

<sup>12</sup> Ví dụ: Vụ việc của các hộ dân thuộc tổ 12, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng; vụ việc Khiếu nại của bà Nguyễn Thị Dậu đối với Quyết định số 2001-QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng.

hội tại Báo cáo số 48/BC-ĐDBQH ngày 08/4/2022 và của Thường trực HĐND tỉnh tại Báo cáo số 132/BC-HĐND ngày 13/5/2022.

#### ***1.4. Công tác quốc phòng, an ninh; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật***

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các lực lượng chức năng thực hiện tốt công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới, an ninh thông tin truyền thông, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, không để xảy ra các vụ việc đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng về an ninh; thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới<sup>13</sup>; tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Kết quả tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững; công tác phòng, chống vi phạm và tội phạm tiếp tục có những chuyển biến tích cực<sup>14</sup>, góp phần phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại của địa phương.

Tuy nhiên, qua số liệu thống kê từ báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng cho thấy tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh thời gian qua còn diễn biến phức tạp, một số nhóm tội phạm và vi phạm gia tăng so với cùng kỳ năm 2021 như tội phạm và vi phạm pháp luật sử dụng công nghệ cao; tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm<sup>15</sup>; tình hình tai nạn giao thông tăng cả ba tiêu chí<sup>16</sup>; hoạt động của một số hội, nhóm liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo<sup>17</sup> còn diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị; tình hình vi phạm pháp luật về an ninh thông tin trên không gian mạng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố làm phát sinh các loại tội phạm; công tác phòng ngừa tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” hiệu quả còn hạn chế...

Ban Pháp chế nhất trí với phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của UBND tỉnh và đề nghị:

- Làm rõ một số nội dung thông tin, số liệu nêu trong Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh so với của các ngành chức năng (TAND,

<sup>13</sup> Ngăn chặn 42 công dân Việt Nam có ý định xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; phát hiện, xử lý 69 vụ/243 người nước ngoài nhập cảnh trái phép (*giảm 81 người = 25% so với cùng kỳ năm 2021*); xử phạt hành chính 7.048 trường hợp vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh với tổng số tiền phạt là 23,44 triệu đồng.

<sup>14</sup> Tình hình tội phạm và vi phạm trên một số lĩnh vực giảm so với cùng kỳ năm 2021 (*tội phạm hình sự giảm 27 vụ = 8,6%; tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng giảm 284 vụ = 53,7%; tội phạm và vi phạm về ma túy giảm 03 vụ = 0,8%...*); việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố được thực hiện thường xuyên, kịp thời, kết quả giải quyết được 585/633 tin, đạt tỷ lệ 92,44%; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên tất cả các lĩnh vực được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước (*trong năm đã xử phạt 11.892 vụ, giảm 3.468 vụ = 22,6% so với cùng kỳ năm 2021; ban hành 21.047 quyết định xử phạt hành chính, giảm 6.363 quyết định = 23,2% so với cùng kỳ năm 2021*).

<sup>15</sup> Trong năm, đã phát hiện xử lý 49 trường hợp chia sẻ, đăng thông tin sai sự thật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức trên mạng internet (*tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2021*); phát hiện và xử lý 208 vụ/272 đối tượng liên quan đến nhóm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (*tăng 70 vụ = 50,7% so với năm 2021*).

<sup>16</sup> Năm 2022: Xảy ra 62 vụ tai nạn giao thông; làm chết 34 người và 72 người bị thương (*tăng 10 vụ, 06 người chết, 15 người bị thương so với cùng kỳ năm 2021*), ước tính thiệt hại 1,55 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Trong năm đã phát hiện 10 vụ/11 đối tượng có hành vi phát tán tài liệu liên quan đến Pháp luân công.

VKSND) chưa thống nhất<sup>18</sup>. Đề nghị UBND tỉnh và các ngành chức năng cần có sự xem xét, đưa ra số liệu thống nhất và đánh giá chính xác, đầy đủ về tình hình tội phạm nói riêng và tình hình an ninh trật tự ở địa phương nói chung để các đại biểu và Nhân dân có nhận định sát với thực tế;

- Đánh giá rõ thêm nguyên nhân số người từ Trung Quốc bị trao trả, đẩy đũa hoặc nhập cảnh trái phép về nước qua các đường mòn biên giới cao hơn so với năm 2021; cũng như đánh giá cụ thể những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong năm qua, nhất là trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp cụ thể nhằm từng bước giải quyết có hiệu quả;

- Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực về an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội, kiểm soát chặt chẽ việc xuất, nhập cảnh; phân tích rõ các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật trong thời gian qua để có giải pháp đấu tranh có hiệu quả trong thời gian tiếp theo, nhất là tội phạm, vi phạm pháp luật trên không gian mạng, sử dụng công nghệ cao, liên quan đến “*tín dụng đen*”, và các loại tội phạm, vi phạm pháp luật đang có chiều hướng gia tăng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐND ngày 02/11/2022 của HĐND tỉnh xác định phạm vi vành đai biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### ***1.5. Công tác ngoại vụ, tư pháp***

Công tác đối ngoại được tổ chức thực hiện linh hoạt, có nhiều đổi mới, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội bước vào giai đoạn khôi phục khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát; thúc đẩy triển khai Kế hoạch đoàn ra, đoàn vào và các hoạt động đối ngoại trọng tâm mở rộng; tái khởi động các chương trình hợp tác với các nước đối tác, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ; giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra trên biên giới theo Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và các thỏa thuận có liên quan, góp phần ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Công tác tư pháp được triển khai đồng bộ và đạt được kết quả nhất định: Thực hiện tốt công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác theo dõi thi hành pháp luật, hỗ trợ tư pháp (*tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, công chứng, chứng thực, đấu giá tài sản, luật sư, giám định tư pháp...*) được triển khai có hiệu quả, chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp tiếp tục được nâng lên, đáp ứng kịp thời, hiệu quả nhu cầu của tổ chức, cá nhân; công tác quản lý nhà nước về hành chính tư pháp, đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn được thực hiện đúng quy định.

<sup>18</sup> Tội phạm ma túy: Báo cáo của VKSND tỉnh nêu khởi tố là 287 vụ/ 415 bị can; trong khi báo cáo của UBND tỉnh đưa ra khởi tố 306 vụ/416 bị can.

Tội phạm về trật tự an toàn xã hội: Báo cáo của VKSND tỉnh nêu khởi tố là 164 vụ/359 bị can; trong khi báo cáo của UBND tỉnh đưa ra khởi tố 281 vụ/287 bị can.

Tuy nhiên, qua thực tiễn Ban Pháp chế nhận thấy kết quả hoạt động trong công tác ngoại vụ, tư pháp còn có một số vấn đề sau:

- Đầu năm, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hầu hết các hoạt động đối ngoại phải tạm hoãn và chuyển hình thức sang trực tuyến; việc triển khai, hiện thực hóa các cam kết và điều khoản một số thỏa thuận đã ký kết với địa phương Trung Quốc cũng như đối tác nước ngoài còn chậm tiến độ;

- Nội dung báo cáo cần đánh giá rõ thêm tình hình xác định cột mốc, đường tuần tra biên giới đang còn có vướng mắc cần giải quyết giữa nước ta và phía Trung Quốc; cũng như kết quả công tác viện trợ của các tổ chức Phi Chính phủ trong năm qua;

- Chưa thật sự chú trọng và quan tâm đúng mức tới công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tình trạng xin bổ sung, rút, hoãn, đổi tên dự thảo nghị quyết sát ngày diễn ra kỳ họp HĐND tỉnh còn diễn ra và chậm được khắc phục<sup>19</sup>;

- Chất lượng công tác góp ý, thẩm định đối với một số dự thảo nghị quyết còn hạn chế; hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật chưa cao, chưa thật sự đi sâu và đời sống Nhân dân.

Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại; quan tâm chỉ đạo các sở, ban, ngành chuyên môn chủ động rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh, HĐND tỉnh xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành phụ trách đảm bảo có chất lượng, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời có giải pháp tích cực nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

## **2. Báo cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) hai cấp tỉnh Cao Bằng đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và chủ động phối hợp với các ngành thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp và đạt được kết quả nhất định<sup>20</sup>. Số vụ án truy tố đúng thời hạn, đúng tội đạt 100%, trong đó tỷ lệ giải quyết giai đoạn truy tố đạt 91,6%, không có trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên bị cáo

<sup>19</sup> Trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khóa XVII (kỳ họp thường lệ giữa năm 2022), UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét cho hoãn, rút không trình đối với 03 dự thảo nghị quyết; đổi tên 04 dự thảo nghị quyết; bổ sung 02 dự thảo nghị quyết.

Trước kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa XVII (kỳ họp thường lệ cuối năm 2022), UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét cho trình bổ sung 06 dự thảo nghị quyết; rút không trình 02 dự thảo nghị quyết và gửi hồ sơ trình chậm so với thời gian quy định đối với 01 dự thảo nghị quyết.

<sup>20</sup> Trong năm 2022, VKSND hai cấp đã thực hành quyền công tố, kiểm sát chặt chẽ 100% số vụ án hình sự kể từ khi mới khởi tố (**Trong giai đoạn điều tra:** thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra 880 vụ/1.398 bị can, tỷ lệ giải quyết án giai đoạn điều tra đạt 76,8%. **Trong giai đoạn truy tố:** Viện kiểm sát hai cấp đã giải quyết 657 vụ/1.101 bị can, đạt tỷ lệ 91,6%. **Trong giai đoạn xét xử:** thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử 675 vụ/1.190 bị cáo ở trình tự sơ thẩm; 58 vụ/107 bị cáo ở trình tự phúc thẩm; tham gia xét xử 589 vụ/1.054 bị cáo).

không phạm tội. Công tác kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam; kiểm sát thi hành án và kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, án hành chính được quan tâm thường xuyên, kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm để kháng nghị, kiến nghị và được các cơ quan liên quan chấp nhận, chấn chỉnh, khắc phục<sup>21</sup>.

Tuy nhiên, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát của VKSND hai cấp còn một số hạn chế: Tình trạng án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung còn xảy ra<sup>22</sup>; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm theo báo cáo của ngành chỉ tiêu đạt còn thấp<sup>23</sup>. Bên cạnh đó, một số số liệu đưa ra trong báo cáo của VKSND tỉnh chưa thống nhất và có sự chênh lệch khá lớn so với báo cáo của UBND tỉnh<sup>24</sup>.

Ban Pháp chế đề nghị, VKSND hai cấp tiếp tục nghiên cứu, có giải pháp tích cực để giảm tỷ lệ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung xuống mức thấp nhất; thực hiện tốt nhiệm vụ chống oan sai, chống bỏ lọt tội phạm và nâng cao các chỉ tiêu nghiệp vụ của ngành; tăng cường công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố để kịp thời kiến nghị việc phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật trong công tác quản lý nhà nước, cũng như kịp thời kháng nghị, kiến nghị đối với những vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; kiểm sát chặt chẽ việc xử lý tố giác, tin báo tội phạm để tránh bỏ lọt tội phạm. Chủ trì, phối hợp giải quyết dứt điểm vụ việc bồi thường nhà nước đối với ông Nguyễn Duy Chiến. Đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm mà ngành Kiểm sát đã đề ra trong năm 2023.

### **3. Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Ban Pháp chế ghi nhận và đánh giá cao những kết quả mà ngành Tòa án đạt được trong năm 2022: Nhiều chỉ tiêu công tác đạt và vượt chỉ tiêu yêu cầu của Quốc hội giao<sup>25</sup>; tổ chức có hiệu quả phiên tòa trực tuyến<sup>26</sup>; tỷ lệ án trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung và được chấp nhận đạt 100%; công tác hòa

<sup>21</sup> VKSND hai cấp đã kịp thời phát hiện, ban hành: 13 kiến nghị trong hoạt động điều tra và 12 kiến nghị phòng ngừa vi phạm, tội phạm đối với các cơ quan trên địa bàn tỉnh; 07 kiến nghị đối với Tòa án trong hoạt động xét xử án hình sự; 24 kiến nghị liên quan đến việc bắt, tạm giữ, tạm giam; 09 kiến nghị đối với cơ quan THAHS Công an huyện, 27 kiến nghị đối với UBND cấp xã; 11 kiến nghị đối với cơ quan THADS hai cấp...và đều được chấp nhận.

<sup>22</sup> TAND trả hồ sơ cho VKSND để điều tra bổ sung 13 vụ/26 bị can (Trong đó: cấp tỉnh 05 vụ/15 bị can; cấp huyện 08 vụ/11 bị can, bị cáo).

<sup>23</sup> Trong năm 2022, tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm đạt 76,8% (Nghị quyết 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội giao tỷ lệ quyết tố giác, tin báo tội phạm đạt trên 90%).

<sup>24</sup> (1) Tội phạm tham nhũng, chức vụ: Báo cáo của VKSND tỉnh khởi tố 07 vụ/28 bị can, trong khi báo cáo của UBND tỉnh là 07 vụ/21 bị can;

(2) Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố: Báo cáo của VKSND tỉnh kiểm soát giải quyết 618 tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố; cơ quan điều tra đã giải quyết đạt 76,8%. Báo cáo của UBND tỉnh đã thụ lý 633 tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố; đã giải quyết 585/633 tin, đạt tỷ lệ 92,44%.

<sup>25</sup> Án hình sự đạt 99,5%, vượt 11,5%; án hành chính đạt 96%, vượt 36%.

<sup>26</sup> Trong năm, TAND hai cấp đã tổ chức được 34 phiên tòa trực tuyến (cấp tỉnh 05 phiên; cấp huyện 29 phiên) tại điểm cầu trung tâm tại TAND tỉnh với TAND các huyện, thành phố.



giải, đối thoại trong xét xử các vụ án được đẩy mạnh<sup>27</sup>; tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan giảm so với cùng kỳ năm 2021 và đảm bảo yêu cầu theo Nghị quyết của Quốc hội đề ra<sup>28</sup>.

Tuy nhiên, qua công tác xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân 2 cấp bị sửa 15 vụ, chiếm tỷ lệ 0,75%; trong công tác giải quyết, xét xử án của TAND hai cấp còn có vi phạm, dẫn đến VKSND hai cấp phải ban hành 18 kháng nghị, 07 bản kiến nghị, các kháng nghị đều có căn cứ được Tòa án chấp nhận; tỷ lệ hòa giải đối thoại thành theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án chưa đạt chỉ tiêu cấp trên giao<sup>29</sup>.

Ban Pháp chế thống nhất với phương hướng, nhiệm vụ ngành Tòa án đề ra trong năm 2023 và đề nghị TAND tỉnh tiếp tục chú trọng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giữ chức danh tư pháp, đặc biệt là đối với Thẩm phán để nâng cao chất lượng công tác giải quyết, xét xử, hạn chế án bị sửa, bị hủy; chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng thời hạn các loại án đã thụ lý, nhất là đối với các vụ án hành chính, tranh chấp đất đai, tránh tạo sự bức xúc của đương sự dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đạt chỉ tiêu ngành đề ra. Hoàn thành dự án “Xây dựng hệ thống truyền hình trực tuyến phiên tòa” theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.

#### **4. Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023**

Trong năm 2022, tuy số việc, số tiền phải thi hành của toàn ngành đều tăng cao hơn so với cùng kỳ 2021<sup>30</sup>, nhưng cơ quan Thi hành án dân sự (THADS) hai cấp đã triển khai toàn diện, quyết liệt và chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo xử lý kịp thời các mặt công tác; giải quyết dứt điểm 02 vụ việc phức tạp, kéo dài<sup>31</sup>; hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu về việc, về tiền so với chỉ tiêu được giao<sup>32</sup>.

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác THADS còn một số hạn chế, khó khăn: Số việc và số tiền chuyển kỳ sau giải quyết còn nhiều (*Về việc: 502 việc, tăng 119 việc = 30,07% so với cùng kỳ năm 2021. Về tiền: 78 tỷ 264 triệu 026 nghìn đồng, tăng 75,87% so với năm 2021*); còn đề xảy ra một số sai sót, vì

<sup>27</sup> Tỷ lệ hòa giải thành đạt 74% tổng số các vụ án dân sự sơ thẩm đã giải quyết; đối thoại thành đạt tỷ lệ 27% trong số các án hành chính đã giải quyết.

<sup>28</sup> Nghị quyết 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 yêu cầu: “tổng số bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan không vượt quá 1,5% tổng số các loại án”. Trong năm 2022, tổng số án bị hủy, bị sửa của TAND hai cấp tỉnh Cao Bằng là 15 vụ, chiếm tỷ lệ 0,75% (*giảm 0,59% so với cùng kỳ năm 2021*).

<sup>29</sup> Tỷ lệ hòa giải đối thoại thành theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án đạt 43,68% tổng số trường hợp đồng ý lựa chọn hòa giải đối thoại tại Tòa án (*Theo Chỉ thị 02/2022/CT-CA ngày 14/3/2022 của TAND Tối cao về việc tăng cường công tác hòa giải, đối thoại theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Tỷ lệ trong 1 năm đạt từ 70% trở lên*).

<sup>30</sup> So với cùng kỳ năm 2021: Tăng 21,1% về việc; tăng 35,7% về tiền.

<sup>31</sup> Vụ Thắng - Mũi của Chi cục THADS Thành phố tồn đọng 20 năm; vụ Khiết - Tráng của Chi cục THADS huyện Trùng Khánh tồn đọng 10 năm.

<sup>32</sup> Năm 2022: Đã thi hành xong 3.168 việc, đạt tỷ lệ 94,65% (*vượt 11,15% so với chỉ tiêu Tổng cục giao*); đã thi hành xong về tiền là 70,282 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 72,80% (*vượt 30,7% so với chỉ tiêu Tổng cục giao*).

phạm trong công tác thi hành án dẫn đến Viện Kiểm sát ban hành 11 kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm.

Ban Pháp chế đề nghị Cục THADS tỉnh trong năm 2023 tiếp tục phát huy kết quả đạt được, tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, đảm bảo phân loại chính xác các vụ việc có điều kiện thi hành, không có điều kiện thi hành để thực hiện có hiệu quả; đồng thời tập trung giải quyết số việc, số tiền phải thi hành còn tồn chuyển sang kỳ sau, các vụ việc có giá trị tài sản phải thi hành án lớn; tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động THADS; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các chi cục THADS các huyện, thành phố; tiếp tục phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Đồng thời có pháp khắc phục triệt để những thiếu sót mà Viện Kiểm sát nhân dân đã chỉ ra.

## **II. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH KỲ HỌP**

### **1. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng**

Trên cơ sở kết quả thẩm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Ban Pháp chế HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

#### **1.1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành**

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 trên thực tế<sup>33</sup>; phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**1.2. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết:** Chưa thống nhất với tên gọi đã được thường trực HĐND tỉnh nhất trí, tuy nhiên việc đề tên dự thảo Nghị quyết như hiện nay là đúng theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó Ban Pháp chế nhất trí đề tên như dự thảo Nghị quyết trình.

#### **1.3. Về căn cứ pháp lý**

Đề nghị bổ sung và chỉnh sửa lại một số căn cứ như sau:

- Bổ sung căn cứ “*Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên Dân số*”;

- Tại căn cứ thứ nhất: Bổ sung từ “*của*” trước cụm từ “*Luật Tổ chức Chính phủ...*”; đồng thời sửa ngày ban hành Luật cho chính xác “*ngày 22 tháng 11 năm 2019*”;

<sup>33</sup> Như: Mức phụ cấp quy định cho các chức danh còn thấp, không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; việc quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố đối với các Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT; thôn thuộc xã biên giới của đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP...

- Tại căn cứ thứ 9 (*Căn cứ Nghị định số 115/2015/NĐ-CP*): Chỉnh sửa chính xác tên của Nghị định là “...*quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc*”;

- Tại căn cứ thứ 10 (*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP*): Bỏ cụm từ “*và thi hành*” và chỉnh sửa chính xác tên của Nghị định là “...*quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ*”;

- Tại căn cứ thứ 11 (*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP*): Bỏ sung từ “*của*” trước cụm từ “*Luật thú y*”;

- Tại căn cứ thứ 15 (*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV*): Bỏ sung thêm từ “*về*” vào trước cụm từ “*cán bộ, công chức cấp xã..*”.

#### **1.4. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

- Về chức danh:

+ Đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do vì sao chưa xem xét việc tăng (*bổ sung*) thêm số lượng chức danh người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc ở xóm, tổ dân phố theo ý kiến kiến nghị sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh<sup>34</sup>;

+ Việc dự thảo Nghị quyết bỏ chức danh “*Phó Trưởng Công an xã*” do đã thực hiện đưa Công an chính quy về xã tại thời điểm hiện này chưa phù hợp với thực tiễn. Vì trên thực tế vẫn còn những trường hợp cụ thể đang giữ chức danh này, việc thay đổi, bố trí cần có thời gian, lộ trình thực hiện, nếu không khi nghị quyết được ban hành và đưa vào thực hiện sẽ có vướng mắc và không đảm bảo tính khả thi.

- Về mức phụ cấp, mức bồi dưỡng:

+ Việc tăng hệ số phụ cấp gần như đồng đều cho tất cả các chức danh như dự thảo (từ 10% - 13%) chưa thật sự phù hợp. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần khảo sát, đánh giá thêm về mức độ, tính chất, khối lượng công việc của từng chức danh để có căn cứ đề xuất tăng mức phụ cấp cho phù hợp với tình hình thực tế, nhất là đối với chức danh “*Nhân viên thú y, khuyến nông*”; đồng thời giải trình thêm lý do tại sao không xây dựng tổng mức phụ cấp của từng nhóm chức danh (*theo các phụ lục*) bằng mức tối đa theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ;

+ Tại khoản 2, Điều 1 của dự thảo (*phần phụ lục II kèm theo*): Việc quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động ở xóm, tổ dân phố theo phân loại xóm loại 1, loại 2, loại 3 là không phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ. Đề nghị nghiên cứu quy định theo phân loại: (1) Xóm, tổ dân phố có từ 350 hộ trở lên; xóm thuộc xã trọng điểm, phức tạp về

<sup>34</sup> Tại Báo cáo số 360/BC-HĐND ngày 26/9/2022 của Thường trực HĐND tỉnh.

an ninh, trật tự; xóm thuộc xã biên giới; (2) Xóm, tổ dân phố còn lại. Đồng thời quy định mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố có từ 350 hộ trở lên; xóm thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; xóm thuộc xã biên giới cao hơn các xóm, tổ dân phố còn lại theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Nếu xây dựng mức phụ cấp theo phương án này thì kinh phí hàng năm sẽ thực hiện là bao nhiêu?

+ Đề nghị nghiên cứu tăng mức phụ cấp kiêm nhiệm; nếu không cần giải trình lý do vì sao chưa điều chỉnh tăng nội dung này.

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ “*chức danh*” và sửa lại như sau: “*a) Chức danh, mức phụ cấp đối với ~~chức danh~~ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Phụ lục I kèm theo)*”.

- Tại số thứ tự số 3, Phụ lục III bỏ cụm từ “*Kế hoạch hóa gia đình*” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**1.5. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:** Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

Từ những ý kiến nêu trên, Ban Pháp chế thấy rằng việc chuẩn bị, xây dựng dự thảo Nghị quyết chưa thật sự đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, cũng như chưa đáp ứng được nguyện vọng, kiến nghị của cử tri và tình hình thực tiễn của địa phương. Do đó Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo có chất lượng và trình tại kỳ họp tiếp theo của HĐND tỉnh.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

## **2. Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Qua xem xét Tờ trình số 2988/TTr-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

### **2.1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành**

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết, phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cụ thể hóa quy định tại khoản 2, Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

### **2.2. Về căn cứ ban hành**

- Đề nghị bổ sung các căn cứ sau:

+ Căn cứ “*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*”;

+ Căn cứ “*Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động*”.

- Tại căn cứ thứ 5 (*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*): Đề nghị bỏ từ “của” sau cụm từ “..và biện pháp thi hành”.

### **2.3. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết**

- Về quy định mức hỗ trợ: “*Hỗ trợ Đội trưởng đội dân phòng bằng 16% lương tối thiểu vùng/tháng. Hỗ trợ Đội phó đội dân phòng bằng 15% lương tối thiểu vùng/tháng*” là đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và phù hợp với nguồn lực của địa phương;

- Việc quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng (*tại ý thứ 3, khoản 3, Điều 1 của dự thảo*), Ban pháp chế thấy rằng: (1) Không có căn cứ để quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; (2) Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh sau gần 2 năm triển khai, thực hiện cho thấy có một số quy định còn bất cập, không phù hợp với thực tiễn cuộc sống và văn bản quy định của cấp trên, do đó UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp này. Như vậy, việc viện dẫn quy định tại Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND trong dự thảo Nghị quyết nêu trên chưa thật sự phù hợp.

Tuy nhiên, trên cơ sở xem xét nguồn lực của địa phương; mức độ, khối lượng công việc của chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và giải trình của cơ quan chuyên môn về thực trạng việc bố trí chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng tại các xóm, tổ dân phố hiện nay<sup>35</sup>; để giảm gánh nặng cho ngân sách tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, Ban Pháp chế nhất trí quy định nội dung này trong dự thảo nghị quyết nhưng đề nghị sửa lại nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và giao UBND tỉnh sẽ hướng dẫn chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

“*c) Trường hợp chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng do người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở xóm, tổ dân phố kiêm nhiệm thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.*”

<sup>35</sup> Hiện nay, toàn tỉnh đã bố trí 1.462 Đội trưởng đội dân phòng (trong đó: có 1.447 Đội trưởng do người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở xóm, tổ dân phố kiêm nhiệm; 15 Đội trưởng không bố trí kiêm nhiệm) và 1.473 Đội phó đội dân phòng (trong đó: có 1.431 Đội phó do người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc ở xóm, tổ dân phố kiêm nhiệm; 42 Đội phó không bố trí kiêm nhiệm).

- Tại khoản 3, Điều 1 của dự thảo: Đề nghị bổ sung từ “*người*” sau cụm từ “*lương tối thiểu vùng*” cho rõ. Cụ thể: “*Hỗ trợ...lương tối thiểu vùng/người/tháng*”.

**2.4. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:** Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

Ban Pháp chế nhất trí trình Kỳ họp xem xét thông qua.

**3. Dự thảo Nghị quyết quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Qua thẩm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

### **3.1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành**

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**3.2. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết:** Chưa thống nhất với tên gọi đã được thường trực HĐND tỉnh nhất trí, tuy nhiên qua nghiên cứu, Ban Pháp chế nhất trí với tên gọi như dự thảo trình để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 7 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **3.3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

- Về định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 3, Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đa số các mức chi đưa ra là mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (*trừ định mức phân bổ đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành mới hoặc thay thế thấp hơn mức tối đa 5 triệu đồng*). Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình lý do tại sao đưa ra mức tối đa? Việc quy định như vậy có đảm bảo phù hợp với khả năng ngân sách và tình hình thực tế của địa phương hay không?;

- Tại khoản 4, Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định định mức chi cho cả công tác thẩm định, thẩm tra, tuy nhiên dự thảo chỉ đưa ra mức chi cho công tác thẩm định, đề nghị cơ quan giải trình làm rõ lý do?; đồng thời đề nghị làm rõ căn cứ để xây dựng mức chi cho công tác thẩm định đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện?.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát các mức chi đảm bảo phù hợp với các Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan đang có hiệu lực (như Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng, nhiệm kỳ 2021 - 2026).

**3.4. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:** Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát về lỗi chính tả và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật (chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ, chính xác số, tên gọi, ngày tháng năm ban hành văn bản...).

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, để đảm bảo Nghị quyết ban hành có chất lượng, Ban Pháp chế đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các nội dung mà Ban đã đưa ra và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp tiếp theo của HĐND tỉnh.

Ban Pháp chế trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

#### **4. Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Qua nghiên cứu nội dung Tờ trình số 2970/TTr-UBND ngày 14/11/2022 và dự thảo Nghị quyết, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

##### **4.1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành**

Dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền về nội dung và hình thức; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết, phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cụ thể hóa quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

##### **4.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với các nội dung của dự thảo đưa ra. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 1 dự thảo: Bổ sung từ “*công*” sau cụm từ “liên quan đến”;

- Tại điểm a, khoản 2, Điều 1 dự thảo: Bổ sung từ “*số*” sau cụm từ “Thông tư”;

- Tại điểm b, khoản 2, Điều 1 dự thảo: Bỏ cụm từ “*đến nhiều đối tượng*” và thay bằng cụm từ “*đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức*” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 17 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tại mục chi số 14 (*Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết*): Đề nghị nghiên cứu, áp dụng theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

**4.3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:** Đề đảm bảo đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

Ban Pháp chế nhất trí trình Kỳ họp xem xét thông qua.

## **5. Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Trên cơ sở thẩm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Ban Pháp chế thấy rằng:

### **5.1. Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành**

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là đúng thẩm quyền; việc đề nghị ban hành nghị quyết là cần thiết, phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và điểm e, khoản 3, Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **5.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Các nội dung, mức thu tại dự thảo Nghị quyết không có sự thay đổi so với quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; có sự tương đồng với mức thu tại các tỉnh lân cận và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ban Pháp chế nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị quyết.

**5.3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:** Đề đảm bảo đúng quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

Ban Pháp chế nhất trí trình Kỳ họp xem xét thông qua.

## **6. Dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Cao Bằng năm 2023**

Qua xem xét nội dung Tờ trình số 3281/TTr-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh và thẩm tra dự thảo nghị quyết, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

**6.1. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết:** Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện năm 2022 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).



## **6.2. Về căn cứ ban hành**

Bổ sung các căn cứ “*Kế hoạch số 181-KH/TU, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 – 2026; Kế hoạch số 182-KH/TU, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2023*”.

## **6.3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

Ban pháp chế cơ bản nhất trí với phương án giao biên chế công chức năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị trong dự thảo Nghị quyết.

Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh làm rõ thêm nội dung sau: Năm 2022, HĐND tỉnh giao 2.075 biên chế<sup>36</sup>; kết quả đến hết 30/9/2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương mới sử dụng 1.798/2075 biên chế (đạt 86,65%), số biên chế chưa sử dụng là 277 biên chế (13,35%) và 21 biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính. Như vậy, số biên chế chưa sử dụng còn nhiều (tổng 298 biên chế), nhưng lý do tại sao tỉnh vẫn chưa thực hiện bố trí, sắp xếp được hết số cán bộ, công chức dôi dư do sáp nhập, nhất là ở các địa phương thực hiện sáp nhập<sup>37</sup>?

Ban Pháp chế đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu cho tỉnh thực hiện nghiêm túc Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, nhất là việc thực hiện các chỉ tiêu (%) về tinh giản biên chế công chức từ nay đến hết năm 2026.

Ban Pháp chế nhất trí trình kỳ họp xem xét, thông qua.

## **7. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2023**

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

**7.1. Về thẩm quyền ban hành và sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết:**  
Việc HĐND tỉnh phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **7.2. Về căn cứ ban hành**

- Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình làm rõ thêm căn cứ giao biên chế sự nghiệp đối với các tổ chức Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh;

- Bổ sung các căn cứ “*Kế hoạch số 181-KH/TU, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 – 2026; Kế hoạch số 182-KH/TU, ngày 21 tháng 11 năm*

<sup>36</sup> Theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021- 2026.

<sup>37</sup> Biên chế chưa thực hiện: Hà Quảng còn 18 biên chế; Quảng Hòa còn 12 biên chế; Trùng Khánh còn 15 biên chế; Hạ lang còn 21 biên chế; Thạch An còn 18 biên chế và Bảo Lâm còn 17 biên chế.

2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng năm 2023”.

**7.3. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết:** Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với phương án phân bổ biên chế sự nghiệp năm 2023 mà dự thảo Nghị quyết đã đưa ra. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Năm 2022, HĐND tỉnh thông qua 16.041 biên chế sự nghiệp<sup>38</sup>; kết quả đến hết 30/9/2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương mới sử dụng 15.073/16.041 biên chế (đạt 93,96%), số biên chế chưa sử dụng là 963 biên chế (6,04%) và 05 biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính. Như vậy, số biên chế chưa sử dụng còn 968 biên chế. Đề nghị UBND tỉnh làm rõ lý do tại sao chưa sử dụng hết số biên chế này?;

- Thực tế cho thấy biên chế sự nghiệp ngành Giáo dục - Đào tạo, ngành y tế đang gặp rất nhiều khó khăn, số lượng giáo viên, y bác sĩ còn thiếu nhiều so với định mức quy định. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, bố trí đủ số lượng giáo viên giảng dạy ở các cấp học trong năm học 2023 - 2024 và y bác sĩ làm việc ở bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện.

Ban Pháp chế nhất trí trình kỳ họp xem xét thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế trình kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng: LĐVP; Trưởng, Phó các phòng + CV;
- Lưu: VT.

**TM. BAN PHÁP CHẾ  
TRƯỞNG BAN**

**Nông Văn Tuấn**

---

<sup>38</sup> Theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026